

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÓP CỘP
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2023/KDTM-ST
Ngày 16-11-2023
V/v tranh chấp về thanh toán hợp
đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÓP CỘP, TỈNH SƠN LA

- Thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nam.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Cẩm Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La.

Ngày 16/11/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sốp Cộp tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục rút gọn vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 01/2023/KDTM-ST ngày 16/10/2023 về việc tranh chấp về thanh toán hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐST-KDTM ngày 06/11/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty S, địa chỉ: Lô X, khu công nghiệp Đ, phường T, thành phố H, tỉnh H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông H, chức vụ: Tổng giám đốc. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Đình T, ông Bùi Đình H, bà Hoàng Thị H, đều có địa chỉ: Phòng y, tầng Z, tòa nhà C, số xxx, đường H, phường T, quận G, thành phố H (*Văn bản ủy quyền số 3009/2023/HĐUQ-S-P ngày 30/9/2023*). Đều vắng mặt.

- Bị đơn: Công ty P, địa chỉ: Bản Hua Mường, xã Sốp Cộp, huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Sỹ Hoàng, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên; ông Trần Sỹ Long, chức vụ: Giám đốc. Địa chỉ: bản Ca Láp, phường Chiềng Ngần, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Đều vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 30/9/2023, Công ty S trình bày:

Công ty P (sau đây viết tắt là Công ty P) và Công ty S (sau đây viết tắt là Công ty S) đã thỏa thuận với nhau về việc mua bán chất phụ gia bê tông bằng hình thức đặt hàng qua điện thoại với nội dung: Công ty S bán cho Công ty P các sản

phẩm phụ gia bê tông là ROADCON SSA2000 đơn giá 13.000 đồng/lít, quy cách đóng gói 1.000 lít/thùng và ROADCON SPR 1000 đơn giá 17.000 đồng/lít, quy cách đóng gói 1.000 lít/thùng (đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển và chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng). Công ty S sẽ giao hàng theo số lượng đặt hàng trong thời gian yêu cầu và hóa đơn, sau đó Công ty P phải thanh toán 100% giá trị hàng hóa mua bán.

Ngày 31/12/2021 Công ty S đã xuất hóa đơn số 0000924 số tiền là 75.900.000 đồng. Ngày 27/01/2022 Công ty P đã thanh toán đủ. Ngày 28/01/2022 Công ty S xuất hóa đơn số 0001117 số tiền là 100.100.000 đồng. Ngày 28/02/2022 Công ty S xuất hóa đơn số 0001426 số tiền là 56.100.000 đồng. Ngày 30/3/2022 Công ty S xuất hóa đơn số 0001426 số tiền là 57.200.000 đồng. Đến ngày 08/6/2023, Công ty P mới thanh toán 100.000.000 cho Công ty S.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty S đã giao hàng cho Công ty P trị giá là 289.300.000 đồng nhưng Công ty P mới thanh toán cho Công ty S 175.900.000 đồng, số tiền chưa thanh toán là 113.400.000 đồng. Vì vậy, Công ty S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty P phải thanh toán số tiền 113.400.000 đồng và phải chịu lãi chậm trả cho hóa đơn chưa thanh toán với mức lãi suất 9%/năm, thời điểm tính lãi là sau 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ gốc.

Kèm theo đơn khởi kiện, Công ty S đã nộp cho Tòa án 04 hóa đơn, 02 giấy báo nợ/có của Ngân hàng, bảng kê chi tiết quá trình mua hàng và bảng tính lãi chậm trả.

Theo Đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 07/11/2023, Công ty S yêu cầu Công ty P phải thanh toán tiền lãi chậm trả tạm tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm là 16.453.750 đồng. Gồm:

- Tiền lãi của hóa đơn 0001117 ngày 28/01/2022 từ ngày 29/02/2022 đến ngày 16/11/2023 là 15.625 đồng.

- Tiền lãi của hóa đơn 0001426 ngày 28/02/2022 từ ngày 29/3/2022 đến ngày 16/11/2023 là 8.372.925 đồng.

- Tiền lãi của hóa đơn 0001561 ngày 30/3/2022 từ ngày 01/5/2022 đến ngày 16/11/2023 là 8.065.000 đồng.

Theo văn bản số 25062023/P ngày 25/06/2023, Công ty P trình bày: Công ty P thừa nhận còn nợ Công ty S số tiền là 113.000.000 đồng. Hiện nay Công ty P đang gặp nhiều khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh, thu hồi công nợ nên tình hình tài chính khó khăn dẫn đến khả năng thanh toán bị chậm. Công ty P đề nghị được gia hạn nợ đến hết 31/12/2023.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền mua bán phụ gia bê tông theo hợp đồng đã thỏa thuận. Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều

35, Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật là “*tranh chấp về thanh toán hợp đồng mua bán hàng hóa*”, thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La. Theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự thì thời hiệu khởi kiện vẫn còn. Vụ án có tình tiết đơn giản, quan hệ pháp luật rõ ràng, đương sự đã thừa nhận nghĩa vụ, tài liệu chứng cứ đầy đủ đảm bảo cho việc giải quyết vụ án và Tòa án không phải thu thập tài liệu, chứng cứ, các đương sự có nơi cư trú ổn định nên Tòa án đã thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục rút gọn. Đối tượng tranh chấp không phải là tài sản công, lợi ích công cộng, quyền sử dụng đất, nhà ở hoặc có đương sự là người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; vụ án không thuộc trường hợp chưa có điều luật để áp dụng. Do vậy, Kiểm sát viên không tham gia phiên tòa.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Ngày 07/11/2023, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Người đại diện hợp pháp của bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng. Căn cứ Khoản 1 Điều 320 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Căn cứ 04 Hóa đơn giá trị gia tăng (*các ngày 31/12/2021, 28/01/2022, 28/02/2022, 30/3/2022*); 02 Giấy báo nợ/có của Ngân hàng Vietcombank (*ngày 27/01/2022 và 08/6/2023*) do nguyên đơn cung cấp và ý kiến của bị đơn tại Văn bản số 25062023/P ngày 25/06/2023, có đủ căn cứ xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có hợp đồng mua bán hàng hóa (*chất phụ gia bê tông*) bằng lời nói. Nguyên đơn đã giao cho bị đơn hàng hóa trị giá 289.300.000 đồng. Bị đơn đã thanh toán 175.900.000 đồng, còn nợ là 113.400.000 đồng. Do vậy, theo Điều 50 và Điều 55 Luật Thương mại, yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số tiền mua hàng còn nợ là có căn cứ.

[2.2] Về tiền lãi do chậm thanh toán: Bị đơn chậm thanh toán tiền mua hàng nên theo Điều 306 Luật Thương mại bị đơn phải chịu tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

[2.3] Về thời điểm chịu tiền lãi do chậm thanh toán: Theo quy định tại Điều 55 Luật Thương mại, bên mua phải thanh toán tiền mua hàng cho bên bán vào thời điểm bên bán giao hàng hoặc giao chứng từ liên quan đến hàng hóa. Lần mua hàng đầu tiên, bên mua thanh toán sau 27 ngày kể từ ngày bên bán xuất hóa đơn (*ngày xuất hóa đơn là 31/12/2021, ngày thanh toán là 27/01/2022*). Như vậy, yêu cầu của nguyên đơn về xác định thời điểm tính lãi là sau 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ gốc là có căn cứ.

[2.4] Về mức lãi suất do chậm thanh toán: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn chịu lãi suất do chậm thanh toán là $9\%/năm = 0,75\%/tháng = 0,025\%/ngày$. Mức lãi suất

này thấp hơn mức lãi suất cho vay trung bình của 03 ngân hàng thương mại¹ tại tỉnh Sơn La vào thời điểm xét xử sơ thẩm. Lãi suất tín dụng quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn nên mức lãi suất mà nguyên đơn yêu cầu đương nhiên thấp hơn mức lãi suất nợ quá hạn của 03 ngân hàng thương mại. Yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện và có lợi cho bị đơn nên có căn cứ chấp nhận.

[2.5] Về số tiền lãi do chậm thanh toán tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 16/11/2023):

- Đối với hóa đơn số 0001117 ngày 28/01/2022 giá trị 100.100.000 đồng: Đến ngày 08/6/2023, bị đơn mới trả cho nguyên đơn số tiền 100.000.000 đồng của hóa đơn này, còn nợ 100.000 đồng. Nhẽ ra bị đơn phải chịu tiền lãi do chậm thanh toán số tiền 100.100.000 đồng từ ngày 29/02/2022 đến ngày 08/6/2023 và số tiền 100.000 đồng từ ngày 08/6/2023 đến ngày 16/11/2023. Tuy nhiên nguyên đơn chỉ tự nguyện yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán số tiền 100.000 đồng từ ngày 29/02/2022 đến ngày 16/11/2023 (625 ngày) là 15.625 đồng là có lợi cho bị đơn nên có căn cứ chấp nhận.

- Đối với hóa đơn số 0001426 ngày 28/02/2022 trị giá 56.100.000 đồng: Bị đơn phải chịu tiền lãi do chậm thanh toán từ ngày 29/3/2022 đến ngày 16/11/2023 (597 ngày) với mức lãi suất 0,025%/ngày là 8.372.925 đồng.

- Đối với hóa đơn số 0001561 ngày 30/3/2022 trị giá 57.200.000 đồng: Bị đơn phải chịu tiền lãi do chậm thanh toán từ ngày 01/5/2022 đến ngày 16/11/2023 (564 ngày) với mức lãi suất 0,025%/ngày là 8.065.200 đồng.

Tổng tiền lãi do chậm thanh toán tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 16.453.750 đồng.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định. Vụ án được xét xử theo thủ tục rút gọn nên mức án phí bằng 50% án phí theo thủ tục thông thường.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147; 271; 273 và 320 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 50; 55 và 306 Luật Thương mại; Điều 6 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án

¹ Thời gian tra cứu: 09h ngày 16/11/2023. Kết quả tra cứu mức lãi suất cho vay đối với khách hàng doanh nghiệp trên website của 03 ngân hàng:

1. Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội: <https://www.shb.com.vn/wp-content/uploads/2023/02/06.Bieu-LS-c%C6%A1-s%E1%BB%9F-VND-KHDN-10.2023-1.pdf>. Mức lãi suất cho vay cơ sở trung hạn là 10,15% đến 10,4%/năm.

2. Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội: <https://www.mbbank.com.vn/Fee#rate-info2>. Mức lãi suất cho vay trung hạn tham chiếu áp dụng với doanh nghiệp nhỏ là 8,2%/năm, với doanh nghiệp lớn là 8,1%/năm.

3. Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt: <https://lpbank.com.vn/lai-suat-2/>. Mức lãi suất cho vay cơ sở với khách hàng doanh nghiệp là 9,9%/năm.

nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty S. Buộc Công ty P phải trả cho Công ty S:

- Tiền nợ gốc: 113.400.000 đồng (*một trăm mười ba triệu bốn trăm nghìn đồng*). Tiền lãi do chậm thanh toán tính đến ngày xét xử sơ thẩm: 16.453.750 đồng (*mười sáu triệu bốn trăm năm mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng*). Tổng tiền nợ gốc và tiền lãi do chậm thanh toán tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 129.853.750 đồng (*một trăm hai mươi chín triệu tám trăm năm mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng*).

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nợ gốc 113.400.000 đồng, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án với mức lãi suất là 9%/năm (*chín phần trăm/năm*).

2. Về án phí: Công ty P phải chịu 3.246.344 đồng (*ba triệu hai trăm bốn mươi sáu nghìn ba trăm bốn mươi bốn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Công ty S được trả lại 1.606.500 đồng (*một triệu sáu trăm linh sáu nghìn năm trăm đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0000804 ngày 16/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La.

3. Công ty S và Công ty P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Sốp Cộp;
- Chi cục THADS huyện Sốp Cộp ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Nam